

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022**

(Kèm theo Công văn số 120/KV III-TH ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực III)

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác
	KTNN khu vực III							
	Số chưa thực hiện	1.180.792.815.117	100.274.246.284	174.054.531.531	291.519.133.281	161.441.411.234	899.986.000	452.800.429.609
I	Năm kiểm toán 2021 (niên độ được kiểm toán 2020)	293.444.565.875	588.477.673	102.054.676.436	47.050.791.445	80.976.778.588	0	62.773.841.733
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Bình Định	6.330.199.827	0	0	0	0	0	6.330.199.827
1.1	Cục Thuế	4.481.187.334						4.481.187.334
1.2	Huyện Phù Mỹ	1.849.012.493						1.849.012.493
2	Đoàn kiểm toán BCQT NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi	59.172.649.316	448.860.600		9.734.653.000	19.575.007.122		29.414.128.594
2.1	Cục Thuế tỉnh	29.329.259.594	-					29.329.259.594
2.2	Sở Tài chính	10.183.513.600	448.860.600		9.734.653.000			-
2.3	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	31.502.000	-			31.502.000		-
2.4	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Quảng Ngãi	19.008.341.122	-			19.008.341.122		5.184.000
2.5	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi	535.164.000	-			535.164.000		79.685.000
3	Đoàn kiểm toán Dự án Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc và dự án cầu sông Rìn, thị trấn Di Lăng	6.181.375.000				-	-	6.181.375.000
3.1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi	6.181.375.000	-					6.181.375.000
4	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	221.760.341.732	139.617.073	102.054.676.436	37.316.138.445	61.401.771.466	0	20.848.138.312
4.1	Công ty CP Đầu tư Năm Sao	108.004.069	108.004.069					
4.2	Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Phú Ninh	366.045.243		366.045.243				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác
4.3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam	101.688.631.193		101.688.631.193				
4.4	Công ty TNHH Tân Đức Phú	26.703.432	26.703.432					
4.5	Chi nhánh công ty Cổ phần và Dịch vụ Seaprodex- Khai thác khoáng sản - Chế biến kinh doanh gỗ	4.909.572	4.909.572					
4.6	Sở Tài chính	25.798.295.174			25.798.295.174			
4.7	Sở Công Thương	656.158.597			656.158.597			
4.8	TP. Hội An	718.252.434			718.252.434			
4.9	TP. Hội An	436.526.700			436.526.700			
4.10	TP Tam Kỳ	1.642.771.000			850.000.000	792.771.000		
4.11	Thị Xã Điện Bàn	22.367.172.742			6.227.666.840			16.139.505.902
4.12	Huyện Duy Xuyên	4.078.746.610			2.628.979.200	998.555.000		451.212.410
4.13	Huyện Núi Thành	667.797.500			259.500	667.538.000		
4.14	Huyện Phú Ninh	2.400.529.466				2.400.529.466		
4.15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	55.000.000.000				55.000.000.000		
4.16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam	1.461.254.000				1.461.254.000		
4.17	Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trà My	81.124.000				81.124.000		
4.18	Huyện Tây Giang	4.257.420.000						4.257.420.000
II	Năm kiểm toán 2020 (niên độ được kiểm toán 2019)	74.599.063.467	0	0	19.682.816.053	12.203.644.770	0	42.712.602.644
1	Đoàn kiểm toán NSĐP năm 2019 của TP Đà Nẵng	10.336.421.286			423.376.596	8.252.409.770		1.660.634.920
1.1	Sở Xây dựng - Công ty Quản lý vận hành Điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng	263.564.741			263.564.741			
1.2	Quận Cẩm Lệ	207.791.484			159.811.855			47.979.629
1.3	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	6.817.944.000				6.817.944.000		
1.4	Ban QLDA ĐTXD hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng	564.324.770				564.324.770		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ động vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác
1.5	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông Đà Nẵng	2.482.796.291				870.141.000		1.612.655.291
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi	64.262.642.181	-	-	19.259.439.457	3.951.235.000	-	41.051.967.724
2.1	Sở Tài chính	56.719.190.431			19.259.439.457			37.459.750.974
2.2	Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	7.543.451.750				3.951.235.000		3.592.216.750
III	Năm kiểm toán 2019 (niên độ được kiểm toán 2018)	284.456.354.290	20.439.775.915	67.781.203.485	5.895.910.185	34.955.046.897	899.986.000	154.484.431.808
1	Đoàn kiểm toán NSDP NĂM 2018 của tỉnh Bình Định	24.605.558.505	19.746.937.335	861.437.111	672.569.059	2.424.629.000	899.986.000	0
1.1	Công ty CP Phát triển đầu tư xây dựng và du lịch An Phú Thịnh	19.418.540.832	19.418.540.832					
1.2	Công ty TNHH Đại Việt Phú Tài (nay là Công ty TNHH Hùng Vương Wood)	328.396.503	328.396.503					
1.3	Quỹ Đầu tư phát triển	861.437.111		861.437.111				
1.4	Huyện Tây Sơn	672.569.059			672.569.059			
1.5	Huyện Vĩnh Thạnh	899.986.000					899.986.000	
1.6	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh	2.336.093.000				2.336.093.000		
1.7	Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Thạnh	88.536.000				88.536.000		
2	Đoàn kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng trong và sau quá trình CPH DNN giai đoạn 2011 - 2017	521.340.000	521.340.000					
2.1	Công ty CP Vật liệu xây dựng xây lắp kinh doanh nhà	521.340.000	521.340.000					
3	Đoàn kiểm toán Hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng thuộc Ban quản lý các dự án Hạ tầng ưu tiên TP Đà Nẵng	123.316.023.929				614.682.475		122.701.341.454
3.1	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng ưu tiên TP Đà Nẵng	123.316.023.929				614.682.475		122.701.341.454

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác
4	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Ngãi	42.461.853.928	171.498.580	0	2.628.608.926	30.428.233.422	0	9.233.513.000
4.1	UBND huyện Đức Phổ	273.558.190	108.158.190		165.400.000			
4.2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	63.340.390	63.340.390					
4.3	Sở Tài chính	34.684.502.017			2.463.208.926	29.763.793.091		2.457.500.000
4.4	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT tỉnh Quảng Ngãi	519.880.134				519.880.134		
4.5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.700.000.000			-			3.700.000.000
4.6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	705.169.000						705.169.000
4.7	Huyện Tư Nghĩa	2.370.844.000						2.370.844.000
4.8	Huyện Ba Tơ	144.560.197				144.560.197		
5	Đoàn kiểm toán Chuyên đề quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2014-2018	66.919.766.374		66.919.766.374				
5.1	Công ty CP Du lịch Dịch vụ và Đầu tư xây dựng Hội An (Dự án Xây dựng Khu dân cư Khối 5 phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn)	6.167.497.428		6.167.497.428				
5.2	Công ty TNHH MTV Tân Phương Toàn (Dự án Chợ Kề Xuyên và KDC quanh chợ tại xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, Quảng Nam)	6.081.999.628		6.081.999.628				
5.3	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại VN Đà Thành (Dự án Xây dựng KDC Thống Nhất (đợt 1, giai đoạn 1) tại khối phố Hà My Đông B và Hà Quảng Đông phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn)	23.300.036.889		23.300.036.889				
5.4	Công ty CP Đầu tư - Phát triển Đô thị Ân Phú (Dự án KDC khối 6 (G.đoạn 2, đợt1) tại phường Vĩnh Điện, TX Điện Bàn)	13.702.747.498		13.702.747.498				
5.5	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại dịch vụ Thiện Vỹ (Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư số 1, tại phường Điện An, thị xã Điện Bàn (đợt 1))	16.929.969.871		16.929.969.871				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ động vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác
5.6	Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Hà My (Dự án Đầu tư và kinh doanh BĐS du lịch Hà My)	737.515.060		737.515.060				
6	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Nam	26.631.811.554			2.594.732.200	1.487.502.000	0	22.549.577.354
6.1	Sở Tài chính	2.344.979.200			2.344.979.200			
6.2	Sở Công thương	249.753.000			249.753.000			
6.3	Ban QLDA Xây dựng kết cấu hạ tầng huyện Phú Ninh	485.049.000				485.049.000		
6.4	Ban QLDA - Quỹ đất huyện Quế Sơn	1.002.453.000				1.002.453.000		
6.5	KBNN Quảng Nam	22.549.577.354						22.549.577.354
IV	Năm kiểm toán 2018 (niên độ được kiểm toán 2017)	165.878.203.924	14.410.106.911	134.843.263	91.240.253.099	20.381.156.353	0	39.908.767.120
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2017 của tỉnh Bình Định	9.393.283.494	9.258.440.231	134.843.263	0	0	0	0
1.1	Công ty TNHH Bình Nam	258.460.210	258.460.210					
1.2	Công ty CP Dinh dưỡng Sinh Học Rapid Việt Nam	7.501.119.151	7.501.119.151					
1.3	Công ty Cổ phần Gỗ Đại Phúc	169.811.746	34.968.483	134.843.263				
1.4	Công ty TNHH Bá Sanh Đường	1.463.892.387	1.463.892.387					
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2017 của Đà Nẵng	26.211.732.741	2.981.577.368		1.370.000.000	609.221.339		21.250.934.034
2.1	Công ty Cổ phần EDICO	2.093.518.698	2.093.518.698					
2.2	Công ty TNHH MTV Nguyễn Phạm Hoàng Sơn	888.058.670	888.058.670					
2.3	Sở Tài chính	21.784.512.986			700.000.000			21.084.512.986
2.4	Sở Giao thông Vận tải	670.000.000			670.000.000			
2.5	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	564.493.000				564.493.000		
2.6	Ban QLDA ĐTXD hạ tầng & Phát triển đô thị	44.728.339				44.728.339		
2.7	Quận Thanh Khê	166.421.048						166.421.048
3	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2017 tỉnh Quảng Ngãi	95.453.009.286	2.073.844.198	0	76.349.703.911	7.933.290.999	0	9.293.093.000
3.1	Cục Thuế	38.055.600	38.055.600					
3.2	Thành phố Quảng Ngãi	8.028.756.775	95.465.776			7.933.290.999		
3.3	Huyện Sơn Hà	729.493.000	43.400.000					686.093.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác
3.4	Huyện Đức Phổ	1.700.000.000	1.700.000.000					
3.5	Sở Giao thông Vận tải	268.840.911			268.840.911			
3.6	Sở Tài chính	53.840.863.000			53.840.863.000			
3.7	Sở Giáo dục và Đào tạo	30.847.000.000			22.240.000.000			8.607.000.000
4	Đoàn kiểm toán dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Dự án Cảng Bến Đình) - Quảng Ngãi	6.746.532.136				6.746.532.136		
4.1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi	6.746.532.136				6.746.532.136		
5	Đoàn kiểm toán Hoạt động quản lý, sử dụng năm 2017 thị xã Điện Bàn	480.087.614	96.245.114	0	383.842.500			
5.1	Công ty TNHH MTV Tổng hợp Quốc Thịnh	96.245.114	96.245.114					
5.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	383.842.500			383.842.500			
6	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2017 tỉnh Quảng Nam	24.556.490.511			13.136.706.688	2.160.720.737		9.259.063.086
6.1	Sở Y tế	13.664.532.418			13.136.706.688			527.825.730
6.2	Sở Tài chính (đổi thành Ban QLDA Hạ tầng thuộc Ban quản lý Khu KTM Chu Lai)	1.775.420.608				1.775.420.608		
6.3	Huyện Nông Sơn	125.874.722				125.874.722		
6.4	Huyện Tiên Phước	507.548.407				259.425.407		248.123.000
6.5	Huyện Duy Xuyên	8.483.114.356						8.483.114.356
7	Đoàn kiểm toán Dự án Cầu Cửa Đại và Dự án Nạo vét luồng vào cảng Kỳ Hà	3.037.068.142				2.931.391.142	0	105.677.000
7.1	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	3.037.068.142				2.931.391.142		105.677.000
V	Năm kiểm toán 2017 (niên độ được kiểm toán 2016)	163.926.674.791	7.363.620.571	403.410.000	108.791.858.977	1.502.991.037	0	45.864.794.206
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2016 tỉnh Quảng Ngãi	48.946.397.712			6.980.185.000			41.966.212.712
1.1	Thành phố Quảng Ngãi	7.337.185.000			6.980.185.000			357.000.000
1.2	Sở Tài chính	39.560.454.749						39.560.454.749

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ động vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác
1.3	Huyện Tư Nghĩa	946.700.000						946.700.000
1.4	Huyện Đức Phổ	1.102.057.963						1.102.057.963
2	BCKT 03 Dự án thuộc BQL khu kinh tế Dung Quất	192.153.874				192.153.874		
2.1	Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	192.153.874				192.153.874		
3	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2016 của TP Đà Nẵng	732.843.834			732.843.834			
3.1	Sở Tài nguyên Môi trường	732.843.834			732.843.834			
4	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2016 tỉnh Quảng Nam	112.405.279.371	5.713.620.571	403.410.000	101.078.830.143	1.310.837.163	0	3.898.581.494
4.1	Công ty TNHH MTV Phước Thịnh	5.600.763.204	5.600.763.204					
4.2	Công ty CP Công trình công cộng Hội An	403.410.000		403.410.000				
4.3	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Bách Đạt	46.572.204	46.572.204					
4.4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Quảng	66.285.163	66.285.163					
4.5	Sở Tài chính	103.245.903.685			101.078.830.143			2.167.073.542
4.6	Ban Quản lý dự án hạ tầng (Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai)	2.879.071.952				1.147.564.000		1.731.507.952
4.7	Thành phố Tam Kỳ	163.273.163				163.273.163		
5	Đoàn kiểm toán Chuyên đề quản lý, sử dụng đất khu Kinh tế mở Chu Lai	1.650.000.000	1.650.000.000					
5.1	Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai	1.650.000.000	1.650.000.000					
VI	Năm kiểm toán 2016 (niên độ được kiểm toán 2015)	34.381.456.301	3.743.601.130	1.054.709.200	0	1.585.588.803	0	27.997.557.168
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2015 của tỉnh Bình Định	1.789.008.555	692.360.370	0	0	0	0	1.096.648.185
1.1	Sở Tài chính	680.648.185						680.648.185
1.2	Quỹ Bảo vệ môi trường	416.000.000						416.000.000
1.2	Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế XD Kiến trúc xanh	692.360.370	692.360.370					

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2015 của TP Đà Nẵng	3.051.240.760	3.051.240.760					
2.1	Cục Thuế							
2.1	Cục Thuế	3.051.240.760	3.051.240.760					
3	Đoàn kiểm toán Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng (Hợp phần C)	28.486.497.786				1.585.588.803		26.900.908.983
3.1	Ban QLDA Đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng	28.486.497.786				1.585.588.803		26.900.908.983
4	Đoàn kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2015 thành phố Hội An	1.054.709.200		1.054.709.200				
4.1	Ông Trần Văn Hải	1.054.709.200		1.054.709.200				
VII	Năm kiểm toán 2015 (niên độ được kiểm toán 2014)	2.201.473.000	0	0	0	837.923.478	0	1.363.549.522
1	Đoàn kiểm toán hoạt động nhà ở xã hội TP Đà Nẵng	358.919.000				358.919.000		
1.1	Ban QLDA ĐTXD Khu công nghệ thông tin tập trung thành phố (Nay là Ban QLDA ĐTXD hạ tầng & Phát triển đô thị)	358.919.000				358.919.000		
2	BCKT NSDP năm 2014 tỉnh Quảng Ngãi	1.804.308.000			-	440.758.478	-	1.363.549.522
2.1	Huyện Tư Nghĩa	440.758.478				440.758.478		
2.2	Huyện Sơn Tây	1.363.549.522						1.363.549.522
3	Đoàn kiểm toán Dự án Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Thừa Thiên Huế	38.246.000				38.246.000		
3.1	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Thừa Thiên Huế	38.246.000				38.246.000		
VII	Năm kiểm toán 2014 (niên độ được kiểm toán 2013)	101.996.363.012	45.308.828.664	1.725.689.147	4.447.020.000	0	0	50.514.825.201
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2013 của tỉnh Bình Định	1.777.954.499	52.265.352	1.725.689.147	0	0	0	0
1.1	Công ty CP khoáng sản Bình Định	52.265.352	52.265.352					
1.2	Ban quản lý khu kinh tế Bình Định	915.743.000		915.743.000				
1.2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	809.946.147		809.946.147				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC	Kiến nghị khác
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2013 của TP Đà Nẵng	21.438.596.447	21.438.596.447					
2.1	Cục Thuế	20.148.800.870	20.148.800.870					
2.2	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1.289.795.577	1.289.795.577					
3	Chuyên đề quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp, đầu tư XDCB và Chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo giai đoạn 2011 - 2013 của tỉnh Quảng Ngãi	4.776.994.227			4.447.020.000	0	0	329.974.227
3.1	Sở Tài chính	921.640.000			921.640.000			
3.2	Huyện Tư Nghĩa	3.525.380.000			3.525.380.000			
3.3	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	329.974.227						329.974.227
4	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2013 tỉnh Quảng Nam	74.002.817.839	23.817.966.865	0	0	0	0	50.184.850.974
4.1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Cát Vàng	5.506.784.020	5.506.784.020					
4.2	Công ty CP Phước Thịnh	16.503.863.144	16.503.863.144					
4.3	Công ty CP Giày Rieker Việt Nam	1.269.083.871	1.269.083.871					
4.4	Công ty CP Xây dựng Quảng Nam Việt	442.935.612	442.935.612					
4.5	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Anh Bình	95.300.218	95.300.218					
4.6	Sở Tài chính	8.039.850.974						8.039.850.974
4.7	Sở Kế hoạch và đầu tư (Chương trình mục tiêu quốc gia)	42.145.000.000						42.145.000.000
IX	Năm kiểm toán 2013 (niên độ được kiểm toán 2012)	13.115.455.266	499.121.609	-	2.111.060.437	455.238.320	-	10.050.034.900
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2012 của TP Đà Nẵng	631.691.953	499.121.609		132.570.344			
1.1	Công ty CP Đầu tư xây dựng Trường Thành	28.030.921	28.030.921					
1.2	DNTN Hải Yến	296.040.000	296.040.000					
1.3	Công ty TNHH MTV Khiết Khoa	175.050.688	175.050.688					
1.4	Sở Xây dựng	132.570.344			132.570.344			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ động vay TƯ' và GTGC	Kiến nghị khác
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2012 tỉnh Quảng Ngãi	12.483.763.313			1.978.490.093	455.238.320	-	10.050.034.900
2.1	Công ty CP thanh niên xung phong Quảng Ngãi	1.978.490.093			1.978.490.093			
2.2	Sở Tài chính	2.197.445.333				103.919.433		2.093.525.900
2.3	Cty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	351.318.887				351.318.887		
2.4	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	1.550.000.000						1.550.000.000
2.5	Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi	6.406.509.000						6.406.509.000
X	Năm kiểm toán 2012 (niên độ được kiểm toán 2011)	26.367.924.195	7.469.610.931	0	40.060.000	2.258.980.264	0	16.599.273.000
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2011 của tỉnh Bình Định	464.485.537	464.485.537					
1.2	DNTN Hoàng Đạt	464.485.537	464.485.537					
2	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2011 của TP Đà Nẵng	7.005.125.394	7.005.125.394					
2.1	Cục Thuế	755.273.364	755.273.364					
2.2	Công ty Quản lý nhà Đà Nẵng (Sở XD quản lý)	6.249.852.030	6.249.852.030					
3	Đoàn kiểm toán Dự án HTKT Khu E - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	709.830.089				709.830.089		
3.1	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà	709.830.089				709.830.089		
4	Đoàn kiểm toán Chương trình 30a tỉnh Quảng Ngãi	18.147.330.651			40.060.000	1.507.997.651	-	16.599.273.000
4.1	Huyện Ba Tơ	40.060.000			40.060.000			
4.2	Huyện Tây Trà	1.507.997.651				1.507.997.651		
4.3	Huyện Sơn Tây	16.599.273.000						16.599.273.000
5	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Thừa Thiên Huế	41.152.524				41.152.524		
XI	Năm kiểm toán 2011 (niên độ được kiểm toán 2010)	13.320.899.401	451.102.881	900.000.000	10.887.736.517	551.307.696	0	530.752.307
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2020 của TP Đà Nẵng	451.102.881	451.102.881					
1.1	Cty CP Xây dựng và Dịch vụ Tư vấn Xây lắp 727	206.169.819	206.169.819					

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiểm nghị khác
1.2	Công ty TNHH Võ Tấnh	2.918.972	2.918.972					
1.3	Công ty TNHH Tuấn Tiến	40.869.279	40.869.279					
1.4	Công ty TNHH Nguyễn Trung	26.144.811	26.144.811					
1.5	Công ty TNHH Trường Quang	175.000.000	175.000.000					
2	Đoàn kiểm toán Dự án cầu Thuận Phước	900.000.000		900.000.000				
2.1	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông Đà Nẵng	900.000.000		900.000.000				
3	Đoàn kiểm toán Dự án nâng cấp đường Đà Nẵng - Hội An (đoạn Lê Văn Hiến- Trần Đại Nghĩa)	115.002.050				115.002.050		
3.1	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông Đà Nẵng	102.002.050				102.002.050		
3.2	Ban giải tỏa đền bù số 01 (Trung tâm phát triển quỹ đất)	13.000.000				13.000.000		
4	NSDP năm 2010 tỉnh Quảng Ngãi	11.854.794.470	-		10.887.736.517	436.305.646	-	530.752.307
4.1	Sở Y tế	184.506.041			184.506.041			
4.2	Ban quản lý khu Kinh tế Dung Quất	358.346.473			358.346.473			
4.3	Công ty CP phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi	18.115.003			18.115.003			
4.4	Huyện Tư Nghĩa	44.769.000			44.769.000			
4.5	KBNN tỉnh	10.319.567.000			10.282.000.000	37.567.000		
4.6	Huyện Sơn Tịnh	143.065.000				143.065.000		
4.5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	786.425.953				255.673.646		530.752.307
XII	Năm kiểm toán 2010 (niên độ được kiểm toán 2009)	7.104.381.595	0	0	1.371.626.568	5.732.755.027	0	0
1	Đoàn kiểm toán NSDP năm 2009 tỉnh Quảng Nam	7.104.381.595			1.371.626.568	5.732.755.027		
1.1	Công ty Xuất nhập khẩu nông sản và chế biến thực phẩm Đà Nẵng	1.371.626.568			1.371.626.568			
1.2	Ban quản lý dự án hạ tầng (Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai)	3.022.816.000				3.022.816.000		
1.3	Huyện Điện Bàn	2.709.939.027				2.709.939.027		

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

(Kèm theo Công văn số 120/KV III-TH ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực III)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
I	Khu vực III		
I	Niên độ ngân sách được kiểm toán năm 2020		
1	UBND tỉnh Bình Định	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Bình Định	(1) Bãi bỏ Quyết định 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 về chính sách trợ cấp sau khi tốt nghiệp đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo không có chế độ; không đúng qui định của Luật NSNN 2015.
2	UBND tỉnh Bình Định	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Bình Định	(2) Bãi bỏ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc hỗ trợ phụ cấp (25%) cho giáo viên được điều động về làm công tác quản lý hành chính tại Phòng giáo dục và đào tạo của các huyện thị trên địa bàn tỉnh do không đúng qui định tại khoản 8 Điều 25 Luật NSNN 2002; khoản 9 Điều 30 Luật NSNN 2015.
3	UBND tỉnh Bình Định	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Bình Định	(3) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 80/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 về chi khoán quỹ phụ cấp BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách thôn, tổ dân phố cấp xã phường để đảm bảo đúng với định mức qui định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.
4	HĐND tỉnh Bình Định	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Bình Định	(5) Bãi bỏ Nghị quyết 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách trợ cấp sau khi tốt nghiệp đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo không có chế độ; không đúng qui định của Luật NSNN 2015.
5	UBND tỉnh Quảng Nam	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	Kịp thời ban hành đơn giá dịch vụ công trên địa bàn theo các văn bản TW quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2017/TT-BXD, để thay thế các văn bản đã hết hiệu lực.
6	HĐND tỉnh Quảng Nam	BCKT NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	Xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về cơ chế quản lý, phát triển cây Sâm Ngọc Linh áp dụng đối với Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam cho phù hợp với cơ chế tài chính của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP

STT	Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
7	HĐND tỉnh Quảng Nam	BCKT NSĐP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	Ban hành định mức phân bổ NS trong thời kỳ ổn định mới xem xét không phân bổ dự toán quỹ tiền lương cho HĐ 68 đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.
II Niên độ ngân sách được kiểm toán năm 2019			
1	Tổng cục Thuế	BCKT NSĐP năm 2019 TP Đà Nẵng	Thu hồi Công văn số 1076/TCT-CS ngày 16/3/2020 trả lời Cục Thuế Đà Nẵng và Công ty TNHH Phát triển Giáo dục APU về việc ưu đãi thuế TNDN đối với lĩnh vực xã hội hóa do không phù hợp với chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.
2	HĐND TP. Đà Nẵng	BCKT NSĐP năm 2019 TP Đà Nẵng	Điều chỉnh nội dung “Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách thành phố được phân bổ cho ngân sách các quận, huyện để thực hiện duy tu sửa chữa...” tại Điều 4 Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND TP. Đà Nẵng cho phù hợp với quy định tại Điểm 1, Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2014 và Điều 2 Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính.”
III Niên độ ngân sách được kiểm toán năm 2018			
1	UBND thành phố Quảng Ngãi	BCKT hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp đô thị năm 2018 của thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Kiến nghị 3: Chỉ đạo đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường xây dựng phương án dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Sở Tài chính) thẩm định trình UBND tỉnh quyết định theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.
IV Niên độ ngân sách được kiểm toán năm 2019			
1	UBND tỉnh Quảng Ngãi	BCKT NSĐP năm 2016 tỉnh Quảng Ngãi	UBND tỉnh điều chỉnh lại Quyết định số 528/QĐ-UBND, do đã cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng chưa đúng quy hoạch được phê duyệt cho phép chuyển nhượng đối với phần diện tích đất chưa giải phóng mặt bằng và chưa có quyết định giao đất trái quy định (Dự án Khu đô thị mới Nam Lê Lợi) (UBND tỉnh chỉ đạo Sở xây dựng tham mưu)

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KTNV VỀ
KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẾN 31/12/2022**

(Phụ lục kèm theo Công văn số 120/KV III-TH ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực III)

STT	Tên cơ quan tổ chức thực hiện kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện
	Khu vực III		
I	Niên độ được kiểm toán năm 2020		
1	UBND tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016-2020	NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016-2020: Đã ban hành cơ chế tài chính theo Quyết định số 1284/2019/QĐ-UBND cho phép Công ty CP Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam (Công ty) tổ chức thu tiền sử dụng đất và để lại chi đầu tư xây dựng các khu tái định cư, GPMB DA Khu nghỉ dưỡng Hội An, trái khoản 2 Điều 14 Nghị định 45/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 76/2014/TT-BTC; cho phép Công ty làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình khi chưa thực nộp tiền sử dụng đất vào NSNN, trái quy định tại khoản đ Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; đồng thời, cho thực hiện ghi thu tiền sử dụng đất và ghi chi đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng các khu TĐC vào NSNN là trái quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 và điểm đ, khoản 1 Điều 37 Luật NSNN 2015.
2	Sở TN&MT	NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	Sở TN&MT trong việc: chậm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá đất 06 DA (662.415,6m2) (trong đó: 05/06 DA chậm chuyển thông tin sang cơ quan thuế); đến thời điểm kiểm toán (7/2021) chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá đất 07 DA (396.181,2m2); khi đã có quyết định giao đất; làm căn cứ thông báo thu tiền sử dụng đất; chậm chuyển thông tin 15 DA có thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa sang Sở Tài chính; dẫn đến chậm huy động nguồn thu vào NSNN (Phụ biểu số 02,03.1,05/TNS).

STT	Tên cơ quan tổ chức thực hiện kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện
3	Các chủ đầu tư	NSDP năm 2020 tỉnh Quảng Nam	Chủ đầu tư có 20 DA (TMDT 473.719trđ) chậm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành trên 24 tháng so với quy định; 13 chủ đầu tư không đơn đốc thu hồi số tiền đã thanh toán cho 20 công trình vượt so với giá trị phê duyệt quyết toán (8.238,7trđ), gây lãng phí NS (Phụ biểu số 09/CĐT).
4	UBND tỉnh Quảng Ngãi	BCKT BCQT năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi trong việc chậm xử lý hụt thu dẫn đến lập Báo cáo quyết toán NSDP chậm so với quy định, thuộc hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN theo quy định tại khoản 9 Điều 18 Luật NSNN.
5	UBND tỉnh Quảng Ngãi	BCKT BCQT năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi	Làm rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc không tham mưu UBND tỉnh quyết định giảm chi đầu tư 377.996trđ đã được Thường trực HĐND thống nhất tại Công văn số 313/HĐND-KTNS ngày 31/12/2020.
6	Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi	BCKT BCQT năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi	Cục Thuế tỉnh trong việc giải quyết hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của 02 trường hợp CSKD ngành nghề kinh doanh có điều kiện (kinh doanh điện lực) khi chưa đáp ứng được điều kiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại tiết c điểm 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, tổng số thuế GTGT đã hoàn 24.793trđ”.
II	Niên độ được kiểm toán năm 2019		
1	UBND TP Đà Nẵng	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2019 của TP Đà Nẵng	Kiến nghị 1: Đối với UBND TP. Đà Nẵng Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân tham mưu và trách nhiệm của người ký quyết định tạm ứng cho Công ty cổ phần Xây dựng và Cơ khí công trình 623 không đúng quy định
2	Sở VH&TT TP Đà Nẵng	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2019 của TP Đà Nẵng	Kiến nghị 2: Đối với UBND TP. Đà Nẵng Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể cá nhân trong việc tham mưu sử dụng NS hỗ trợ cho đội bóng đã được xã hội hóa (câu lạc bộ bóng đá trẻ SHB Đà Nẵng) không có căn cứ, không gắn với nhiệm vụ giao (10.448trđ)

STT	Tên cơ quan tổ chức thực hiện kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện
3	Sở TN&MT, tỉnh Quảng Ngãi	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi	Sở TN&MT trong việc tham mưu cho UBND tỉnh cấp 09 Giấy phép khai thác khoáng sản nhưng không căn cứ kết quả điều tra, thăm dò, đánh giá trữ lượng, loại khoáng sản (cát), sau đó lại điều chỉnh gây khó khăn cho công tác quản lý thu; chậm phối hợp, luân chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất đối với diện tích (2.085,6m ²) được UBND tỉnh cho DNTN Sách Thành Nghĩa thuê để xây dựng Trung tâm văn hóa sách Nguyễn Văn Cừ; dẫn đến chưa huy động kịp thời thuế tài nguyên cát vàng và tiền thuê đất vào NSNN
III	Niên độ được kiểm toán năm 2018		
1	UBND tỉnh Quảng Nam	Chuyên đề quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2014-2018	Giao đất, cho thuê đất đối với 14 dự án nhưng không thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Luật Nhà ở 2014; Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP và khoản b, Điều 1 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ.
2	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên đề quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2014-2018	Trách nhiệm của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã kết luận về việc xác định mức thu tiền sử dụng đất tại khoản 1b,c và khoản 3 Thông báo số 358/TB-UBND ngày 12/9/2017 không đúng với quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Luật đất đai 2013.
3	UBND thị xã Điện Bàn	Chuyên đề quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2014-2018	Trách nhiệm của UBND thị xã Điện Bàn trong việc lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án KDC khối 6 không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn.
4	Các Chủ đầu tư, các huyện, thành phố, thị xã	NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Nam	Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan đối với các Chủ đầu tư, các huyện, thành phố, thị xã trong việc đề phát sinh mới nợ XDCB trong năm 2018.
5	Người đứng đầu 09 chủ đầu tư	NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Nam	Kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu 09 chủ đầu tư không gửi báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư; 06 đơn vị chưa triển khai cập nhật thông tin lên hệ thống thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ KH&ĐT.

STT	Tên cơ quan tổ chức thực hiện kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện
6	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, các cá nhân và tập thể liên quan	Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa dnnn GĐ 2011-2017	(1) Kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh, các cá nhân và tập thể liên quan trong việc bán tài sản trên đất tại số 14 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ có diện tích 304m ² của Công ty CP Xây lắp điện Quảng Nam năm 2011 không thông qua đấu giá theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.
7		Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa DNNN GĐ 2011-2017	(2) Liên quan đến thửa đất 1.261m ² (lô A51 và A52) tại Khu phố mới Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ:
7.1	Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, các cá nhân và tập thể liên quan	Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa DNNN GĐ 2011-2017	- Kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh, các cá nhân và tập thể liên quan đối với sai phạm: Bố trí đất ở đô thị có thu tiền sử dụng đất cho DN sử dụng lâu dài và giao đất không qua đấu giá, không đúng quy định của Luật Đất đai 2003; cho phép DN gia hạn nộp tiền, không tính tiền chậm nộp trái thẩm quyền; cho phép DN chuyển nhượng lô đất trên cho cá nhân không đúng quy định của Luật Đất đai 2013 và giá chuyển nhượng thấp hơn giá UBND tỉnh quy định.
7.2	Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ và Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tam Kỳ	Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa DNNN GĐ 2011-2017	- Kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố; Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tam Kỳ trong việc tham mưu cho UBND tỉnh giao đất, gia hạn nộp tiền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật đất đai;

STT	Tên cơ quan tổ chức thực hiện kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện
7.3	Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ; Phó giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tam Kỳ và Phó Trưởng Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ	Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa DNNN GĐ 2011-2017	- Kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố; Phó giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tam Kỳ và Phó Trưởng Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua, khi bản thân DN chuyển nhượng là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam chưa được cấp quyền sử dụng đất thừa đất, trái quy định của Luật Đất đai;
7.4	Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ; Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tam Kỳ	Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa DNNN GĐ 2011-2017	(2) Kiểm điểm trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố; Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tam Kỳ do để xảy ra tình trạng sử dụng đất trái phép từ năm 2015 tại thửa đất 9.112m ² tại đường Điện Biên Phủ.
8	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Y tế	BCKT NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Ngãi	Kiểm điểm trách nhiệm của các chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Y tế) để tạm ứng tồn đọng kéo dài nhiều năm không thu hồi được do không có khối lượng thực hiện, nhà thầu giải thể, để chiếm đoạt, chây ỳ không hoàn trả tạm ứng và thu hồi tạm ứng theo quy định.
9	Huyện Mộ Đức	BCKT NSDP năm 2018 tỉnh Quảng Ngãi	Kiểm điểm trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức và các đơn vị có liên quan trong việc ký hợp đồng lao động vượt chỉ tiêu biên chế giao.
IV	Niên độ được kiểm toán năm 2015		
1	Ban quản lý Khu công nghệ cao & các khu công nghiệp Đà Nẵng	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2015 TP Đà Nẵng	Kiến nghị 1: UBND TP kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc cho phép Công ty Weixernsin Industrial Đà Nẵng sử dụng giá cũ không đúng quy định làm giảm số nộp NSNN; xác định giá cho thuê lại đất không đúng với giá cho thuê tại thời điểm bàn giao mặt bằng tại Công ty TNHH Daiwa Việt Nam; cho phép các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tiền thuê lại đất vượt thời gian so với quy định.